

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

hướng dẫn việc trao đổi, cung cấp thông tin liên quan đến người nộp thuế trong lĩnh vực quản lý nhà nước về thuế, hải quan, đầu tư, thương mại và công nghiệp

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan ngày 14 tháng 06 năm 2005;

Liên Bộ Tài chính, Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc trao đổi, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến người nộp thuế (NNT) trong lĩnh vực quản lý nhà nước về thuế, hải quan, đầu tư, thương mại và công nghiệp như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

Thông tư này hướng dẫn việc trao đổi, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến người nộp thuế trong lĩnh vực quản lý nhà nước về thuế, hải quan, đầu tư, thương mại và công nghiệp giữa cơ quan Thuế, cơ quan Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính với các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Công Thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhằm mục đích phục vụ công tác quản lý nhà nước (sau đây thống nhất gọi chung là các bên).

Điều 2. Nguyên tắc trao đổi, cung cấp và sử dụng thông tin, tài liệu.

1. Thông tin, tài liệu (sau đây gọi chung là thông tin) yêu cầu trao đổi, cung cấp phải xuất phát từ nhu cầu quản lý phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các bên và sử dụng đúng mục đích, tuân thủ các quy định của pháp luật.

2. Việc trao đổi, cung cấp thông tin phải đảm bảo kịp thời, chính xác theo yêu cầu của các bên.

3. Các bên có trách nhiệm trao đổi, cung cấp, quản lý, sử dụng và phân phối thông tin theo đúng quy định của Pháp lệnh Bảo vệ bí mật Nhà nước. Tuyệt đối không sử dụng thông tin ngoài mục đích phục vụ quản lý nhà nước.

4. Thông tin trao đổi, cung cấp giữa các bên được trao đổi ngang cấp. Việc trao đổi, cung cấp khác cấp được thực hiện trong trường hợp bên ngang cấp không trực tiếp nắm giữ thông tin.

5. Các bên cung cấp thông tin có quyền từ chối cung cấp thông tin ngoài phạm vi quy định tại Điều 1 Thông tư này.

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Danh mục thông tin trao đổi, cung cấp giữa các bên.

1. Các thông tin có liên quan đến hoạt động quản lý nhà nước của cơ quan Hải quan, cơ quan Thuế trực thuộc Bộ Tài chính; Bộ Công Thương; Bộ Kế hoạch và Đầu tư được các bên trao đổi, cung cấp để phục vụ mục đích quản lý nhà nước theo Danh mục thông tin trao đổi, cung cấp giữa các bên được quy định chi tiết tại Phụ lục đính kèm Thông tư này.

2. Căn cứ nhu cầu cụ thể, các bên thoả thuận bằng văn bản về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục thông tin trao đổi, cung cấp cho phù hợp và coi đó là phần không tách rời của Thông tư này.

Điều 4. Hình thức, thời hạn trao đổi, cung cấp thông tin.

1. Hình thức trao đổi, cung cấp thông tin.

a) Trao đổi, cung cấp trực tiếp và bằng văn bản:

Văn bản yêu cầu cung cấp thông tin ghi rõ tên nội dung thông tin đề nghị cung cấp, thời điểm cung cấp, địa điểm cung cấp, hình thức văn bản (bản chính; bản sao; bản photocopy; bản in từ máy tính; ...) và mục đích đề nghị cung cấp thông tin, tài liệu.

Khi nhận được yêu cầu cung cấp thông tin thì cơ quan được yêu cầu cung cấp thông tin căn cứ vào nội dung yêu cầu, thời hạn cung cấp để tổ chức thu thập thông tin và cung cấp cho bên yêu cầu.

Người được giao nhiệm vụ đến trao đổi, nhận thông tin phải có giấy giới thiệu do người có thẩm quyền quy định tại Điều 6 Thông tư này ký, kèm theo văn bản yêu cầu cung cấp thông tin.

b) Trao đổi, cung cấp thông tin qua giao dịch điện tử:

Trong trường hợp cơ sở hạ tầng cho phép, việc trao đổi, cung cấp có thể thực hiện qua đường điện tử (truyền file, email, ...).

Việc trao đổi, cung cấp dữ liệu điện tử cần tuân thủ các qui định tương tự trao đổi, cung cấp thông tin bằng văn bản nhưng bằng hình thức điện tử để đảm bảo tính pháp lý của việc cung cấp và trao đổi thông tin, tránh cung cấp thông tin không đúng qui định.

Áp dụng việc xác thực điện tử vào nội dung này theo qui định.

2. Thời hạn trao đổi, cung cấp thông tin.

a) Đối với thông tin cung cấp định kỳ (tháng, quý, năm).

Thông tin, tài liệu được tổng hợp và gửi chậm nhất là ngày thứ hai mươi (20) của tháng tiếp theo đối với định kỳ tháng; chậm nhất là ngày thứ ba mươi (30) của quý tiếp theo đối với định kỳ quý và chậm nhất là ngày thứ chín mươi (90) của năm tiếp theo đối với định kỳ năm.

Tuỳ theo tính chất từng loại thông tin và điều kiện cụ thể, các bên có thể thoả thuận thay đổi thời gian cung cấp.

b) Đối với thông tin cung cấp không định kỳ.

- Đối với yêu cầu cung cấp thông tin bằng hình thức trực tiếp thì cơ quan được yêu cầu có trách nhiệm cung cấp phải cung cấp ngay trong ngày. Trường hợp chưa thể cung cấp ngay được, thì cơ quan được yêu cầu cung cấp thông tin phải có giấy hẹn cung cấp, thời hạn cung cấp tối đa không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu.

- Đối với yêu cầu cung cấp thông tin bằng văn bản thì cơ quan được yêu cầu có trách nhiệm cung cấp cho cơ quan yêu cầu theo đúng thời hạn ghi trong văn bản yêu cầu hoặc chậm nhất là 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thể đáp ứng được yêu cầu cung cấp thông tin thì cơ quan được yêu cầu phải có văn bản thông báo, nêu rõ lý do trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu.

- Đối với yêu cầu cần đọc, nghiên cứu thông tin tại chỗ, thì bên được yêu cầu có trách nhiệm cung cấp ngay trong ngày sau khi có sự phê duyệt của người có thẩm quyền. Trường hợp không đáp ứng được ngay thì bên được yêu cầu phải nêu rõ lý do.

Điều 5. Đầu mối trao đổi, cung cấp thông tin.

Đơn vị được giao là đầu mối trao đổi, cung cấp thông tin của mỗi bên được quy định dưới đây được quyền trực tiếp yêu cầu cung cấp thông tin, tham mưu, chỉ đạo, điều phối việc cung cấp thông tin cho bên yêu cầu trong phạm vi thẩm quyền được giao và chịu trách nhiệm đảm bảo việc trao đổi, cung cấp thông tin giữa các bên được thông suốt, kịp thời.

Các đơn vị đầu mối trao đổi, cung cấp thông tin ở 03 (ba) cấp của các bên bao gồm:

1. Bộ Tài chính:

a) Cấp Trung ương:

- Cục Điều tra chống buôn lậu trực thuộc Tổng cục Hải quan.

- Ban Kế khai và Kế toán thuế, Ban Cải cách - Hiện đại hóa trực thuộc Tổng cục Thuế.

b) Cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

- Cục Hải quan tỉnh, thành phố (trực tiếp Phòng Tham mưu xử lý vi phạm và thu thập, xử lý thông tin nghiệp vụ hải quan hoặc Tổ Tham mưu xử lý vi phạm và thu thập, xử lý thông tin nghiệp vụ hải quan đối với nơi không có Phòng).

- Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (trực tiếp Phòng Kế khai - Kế toán thuế).

c) Cấp quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh:

- Chi cục Hải quan trực thuộc Cục Hải quan tỉnh, thành phố.

- Chi cục Thuế các quận, huyện, thị xã và thành phố trực thuộc tỉnh (trực tiếp Đội Kế khai - Kế toán thuế và tin học).

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư :

a) Cấp Trung ương:

- Ban Biên tập Công thông tin điện tử Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

- Cục Phát triển doanh nghiệp;

- Cục Đầu tư nước ngoài.

b) Cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh, thành phố;

- Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh (Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư).

3. Bộ Công Thương:

a) Cấp Trung ương:

- Vụ Kế hoạch.

b) Cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

- Sở Công Thương tỉnh, thành phố;

Điều 6. Người có thẩm quyền yêu cầu và cung cấp thông tin.

1. Người có thẩm quyền yêu cầu và cung cấp thông tin bao gồm:

a) Bộ Tài chính:

- Bộ trưởng, các Thứ trưởng.

- Tổng cục trưởng, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Cục trưởng và Phó cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu, Cục trưởng và Phó cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố; Chi cục trưởng và Phó chi cục trưởng Chi cục Hải quan.

- Tổng cục trưởng, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, Trưởng ban, Phó trưởng Ban Kế khai và Kế toán thuế, Ban Cải cách - Hiện đại hoá, Cục trưởng và Phó Cục trưởng Cục Thuế, Chi Cục trưởng và Phó Chi cục trưởng Chi cục Thuế.

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

- Bộ trưởng, các Thứ trưởng;
- Chánh văn phòng, Phó chánh văn phòng Bộ;
- Giám đốc, Phó giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh, thành phố;
- Cục trưởng, Phó cục trưởng Cục Đầu tư nước ngoài;
- Cục trưởng, Phó cục trưởng Cục Phát triển doanh nghiệp;
- Trưởng phòng, Phó trưởng Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.

c) Bộ Công Thương:

- Bộ trưởng, các Thứ trưởng.
- Cục trưởng và Phó Cục trưởng Cục Quản lý thị trường.
- Giám đốc, Phó Giám đốc Sở Công Thương tỉnh, thành phố.
- Chi cục trưởng và Phó Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường.

2. Người có thẩm quyền yêu cầu cung cấp thông tin được quyền yêu cầu các đơn vị thuộc, trực thuộc các bên cung cấp thông tin theo quy định tại Thông tư này.

3. Đối với các đơn vị khác của các bên khi có nhu cầu cung cấp thông tin thì phải báo cáo người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này hoặc thông qua đầu mối trao đổi, cung cấp thông tin.

Điều 7. Trách nhiệm trao đổi, cung cấp thông tin.

Các đơn vị thuộc, trực thuộc các bên, theo phạm vi thẩm quyền được giao, có trách nhiệm cung cấp thông tin cho bên yêu cầu theo quy định tại Thông tư này.


Điều 8. Điều kiện bảo đảm về cơ sở vật chất kỹ thuật và kinh phí.

- Các bên được trang bị phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật hiện đại để phục vụ việc bảo đảm thực hiện công tác trao đổi, cung cấp thông tin.

- Kinh phí bảo đảm việc trao đổi, cung cấp thông tin theo quy định tại Thông tư này được bố trí trong dự toán kinh phí hoạt động thường xuyên hàng năm của mỗi Bộ, ngành do Nhà nước giao.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký ban hành.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về đầu mối trao đổi, cung cấp thông tin tại các Bộ được quy định tại Điều 5 Thông tư này để được hướng dẫn, giải quyết. 



Cao Việt Sinh



Nguyễn Cẩm Tú



Đỗ Hoàng Anh Tuấn

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Quản lý thị trường;
- Cục Hải quan các tỉnh, thành phố; Cục Thuế các tỉnh, thành phố;
- Công báo; Kiểm toán Nhà nước;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Website Chính phủ, Website Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Lưu: VT Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

PHỤ LỤC

**Danh mục thông tin trao đổi cung cấp liên quan đến người nộp thuế
trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về thuế, hải quan, đầu tư, thương mại và công nghiệp**

(kèm theo Thông tư liên tịch số: 198 /2009/TTLT-BTC-BCT-BKH ngày 09 /10 /2009)

TT	NỘI DUNG TRAO ĐỔI THÔNG TIN	Cơ quan yêu cầu				Cơ quan cung cấp	Định kỳ			Không định kỳ
		Bộ Tài chính		BCT*	Bộ KHĐT*		Tháng	Quý	Năm	
		TCT*	TCHQ*							
	THÔNG TIN VỀ CHÍNH SÁCH CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH CÁC VĂN BẢN QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT THÔNG TIN CẢNH BÁO									
1	Các văn bản hướng dẫn về chính sách và quản lý nhà nước liên quan đến các lĩnh vực thuế, hải quan, thương mại, công nghiệp và đầu tư..	x	x	x	x	3 Bộ**			x	
2	Thông tin về các Hiệp định, thỏa thuận quốc tế song phương và đa phương liên quan đến các lĩnh vực thuế, hải quan, thương mại, công nghiệp và đầu tư.	x	x	x	x	3 Bộ			x	
3	Các văn bản liên quan đến các Hiệp định, thỏa thuận quốc tế song phương và đa phương liên quan đến các lĩnh vực thuế, hải quan, thương mại, công nghiệp và đầu tư.	x	x	x	x	3 Bộ			x	
4	Thông tin về chính sách ưu đãi hàng hoá đối với các nước, khu vực có thỏa thuận đối xử tối huệ quốc liên quan đến lĩnh vực quản lý của mỗi Bộ.	x	x	x	x	3 Bộ			x	
5	Cảnh báo các phương thức, thủ đoạn, chiêu hướng vi phạm pháp luật liên quan đến các lĩnh vực thuế, hải quan, công nghiệp, thương mại, đầu tư.	x	x	x	x	3 Bộ			x	
	THÔNG TIN VỀ NGƯỜI NỘP THUẾ									
1	Thông tin chung về người nộp thuế.									
1.1	Thông tin về cấp mới giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh.	x	x	x		KHĐT TCT	x		x	

Chú thích:

1.* : Các từ viết tắt TCT, TCHQ, BCT, KHĐT là tên của các cơ quan lần lượt là Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan, Bộ Công Thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư được hiểu bao gồm cả các đơn vị thuộc, trực thuộc theo Điều 6, Điều 7 Thông tư này.

2.**: Được hiểu là tất cả các cơ quan được chỉ ra tại điểm (*) trên đây.

TT	NỘI DUNG TRAO ĐỔI THÔNG TIN	Cơ quan yêu cầu				Cơ quan cung cấp	Định kỳ			Không định kỳ
		Bộ Tài chính		BCT*	Bộ KHĐT*		Tháng	Quý	Năm	
		TCT*	TCHQ*							
1.2	Thông tin về tình trạng hoạt động và tình hình sản xuất kinh doanh của NNT.		x	x	x	TCT				x
1.3	Danh sách NNT mới đăng ký hoạt động.	x	x	x		KHĐT	x			
1.4	Danh sách NNT ngừng hoạt động.	x	x	x		KHĐT	x			
1.5	Danh sách NNT giải thể.	x	x	x		KHĐT	x			
1.6	Danh sách NNT phá sản.	x	x	x		KHĐT	x			
1.7	Thông tin về NNT thay đổi thông tin: tên NNT, địa điểm kinh doanh, lĩnh vực kinh doanh,...	x	x	x		KHĐT	x			
1.8	Danh sách NNT thay đổi loại hình doanh nghiệp.	x	x	x		KHĐT	x			
1.9	Danh sách NNT chia, tách, sát nhập, hợp nhất.	x	x	x		KHĐT	x			
1.10	Danh sách NNT được cấp hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư.	x	x	x		KHĐT	x			
2	Thông tin về chấp hành pháp luật của NNT.									
2.1	Danh sách NNT hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không đăng ký kinh doanh, không đăng ký thuế.	x	x	x		KHĐT				x
2.2	Danh sách NNT bỏ trốn khỏi trụ sở kinh doanh.		x	x	x	TCT	x			x
2.3	Danh sách NNT đã bị xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thuế, lĩnh vực hải quan, lĩnh vực đầu tư, lĩnh vực thương mại và công nghiệp.	x	x	x	x	3 Bộ				x
2.4	Thông tin về NNT vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thuế (trốn thuế; gian lận thuế; không nộp tiền thuế đúng thời hạn sau khi cơ quan quản lý thuế đã áp dụng các biện pháp xử phạt, cưỡng chế; mua bán hoá đơn bất hợp pháp...	x	x	x	x	3 Bộ				x
III	THÔNG TIN VỀ LĨNH VỰC ĐẦU TƯ									

TT	NỘI DUNG TRAO ĐỔI THÔNG TIN	Cơ quan yêu cầu				Cơ quan cung cấp	Định kỳ			Không định kỳ
		Bộ Tài chính		BCT*	Bộ KHĐT*		Tháng	Quý	Năm	
		TCT*	TCHQ*							
1	Danh sách các chương trình, dự án ODA (nguồn hỗ trợ phát triển chính thức) tại Việt Nam có sử dụng các chuyên gia nước ngoài.	x	x	x		KHĐT			x	
2	Danh mục các dự án đầu tư trong nước, các dự án đầu tư của nước ngoài vào Việt Nam và của Việt Nam ra nước ngoài.	x	x	x		KHĐT			x	
3	Thông tin về tình hình đầu tư phát triển và hoạt động của các khu công nghiệp, khu chế xuất và các mô hình khu kinh tế tương tự khác trong phạm vi cả nước.	x	x	x		KHĐT				x
4	Thông tin liên quan đến việc nhập khẩu hoặc thay đổi, bổ sung danh mục hàng hoá, nhập khẩu phục vụ cho Dự án đầu tư nước ngoài.	x	x	x	x	KHĐT TCHQ				x
IV	THÔNG TIN VỀ HẢI QUAN VÀ QUẢN LÝ HÀNG HOÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU									
1	Số lượng doanh nghiệp tham gia xuất khẩu, nhập khẩu (theo từng giai đoạn).	x		x	x	TCHQ				x
2	Số liệu hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu (theo từng giai đoạn).	x		x	x	TCHQ				x
3	Thông kê kim ngạch xuất, nhập khẩu (theo từng giai đoạn).	x		x	x	TCHQ				x
4	Thông tin về hoạt động của từng cửa khẩu theo số liệu hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.			x		TCHQ				x
5	Thông tin về công tác thực thi bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực hải quan.	x		x	x	TCHQ				x
6	Danh mục nhãn hiệu nộp đơn giám sát bảo hộ quyền SHTT tại cơ quan hải quan.	x		x	x	TCHQ			x	
7	Thông tin vi phạm pháp luật về hải quan.	x		x	x	TCHQ			x	x
8	Báo cáo tình hình buôn lậu và gian lận thương mại theo địa bàn, mặt hàng trong từng giai đoạn.	x		x	x	TCHQ				x
V	THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP									
1	Thông tin về tình hình tiêu thụ dầu khí trong nước.	x	x		x	BCT			x	x
2	Thông tin, số liệu về các ngành công nghiệp; hàng hoá sản xuất trong nước, xuất khẩu, nhập khẩu thuộc diện quản lý chuyên ngành của Bộ Công thương.	x	x		x	BCT				x

TT	NỘI DUNG TRAO ĐỔI THÔNG TIN	Cơ quan yêu cầu				Cơ quan cung cấp	Định kỳ			Không định kỳ
		Bộ Tài chính		BCT*	Bộ KHĐT*		Tháng	Quý	Năm	
		TCT*	TCHQ*							
3	Danh mục tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá thuộc diện quản lý chuyên ngành của Bộ Công thương.	x	x		x	BCT			x	
VI	THÔNG TIN VỀ LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI									
1	Thông tin về hàng hoá lưu thông trên thị trường.	x	x		x	BCT TCHQ				x
2	Thông tin vi phạm pháp luật trong hoạt động thương mại, công nghiệp.									
2.1	Buôn lậu, buôn bán hàng cấm, hàng nhập lậu.	x	x		x	BCT		x		
2.2	Hàng giả, hàng kém chất lượng, vi phạm vệ sinh an toàn thực phẩm.	x	x		x	BCT		x		
2.3	Hàng vi phạm sở hữu trí tuệ.	x	x		x	BCT		x		
2.4	Báo cáo tình hình buôn lậu, hàng giả và gian lận thương mại theo địa bàn, mặt hàng trong từng giai đoạn.	x	x		x	BCT				x